

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CỜ ĐỎ
THÀNH PHỐ CẦN THƠ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 04/2021/HNGĐ-ST

Ngày: 28 - 01 - 2021

V/v “*Tranh chấp không
công nhận quan hệ vợ chồng*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CỜ ĐỎ

Với thành phần Hội đồng xét xử gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Quốc Kiệt.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Văn Thơm;
2. Bà Nguyễn Thị Huệ.

Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Thanh Huyền – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Cờ Đỏ.

Trong ngày 28 tháng 01 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Cờ Đỏ, thành phố Cần Thơ xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 249/2020/TLVA-HNGĐ ngày 20 tháng 11 năm 2020 về việc: “*Tranh chấp không công nhận quan hệ vợ chồng*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 04/QĐXXST-HNGĐ ngày 07 tháng 01 năm 2021, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị N, sinh năm 1979.

Địa chỉ: Ấp Thới Hiệp, thị trấn Cờ Đỏ, huyện Cờ Đỏ, thành phố Cần Thơ.
(Có mặt).

Bị đơn: Anh Nguyễn Văn H, sinh năm 1979.

Địa chỉ: Ấp Thới Hiệp, thị trấn Cờ Đỏ, huyện Cờ Đỏ, thành phố Cần Thơ.
(Có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện cùng các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa chị Nguyễn Thị N trình bày: Chị Nguyễn Thị N và anh Nguyễn Văn H qua quá trình tìm hiểu đã tự nguyện tiến tới hôn nhân, có tổ chức lễ cưới theo phong tục cổ truyền vào năm 1997. Tuy nhiên, cả hai không có tiến hành đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Quá trình chung sống thì vợ chồng phát sinh

mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, thường xuyên cãi nhau, mặc dù cả hai cố gắng hàn gắn tình cảm nhưng không có kết quả, đến cuối năm 2016 thì cả hai không còn chung sống với nhau. Nên Chị N có yêu cầu Tòa án không công nhận quan hệ vợ chồng giữ chị với anh H.

Về con chung: Chị N và anh H có 02 con chung là Nguyễn Hoài N(nam) sinh ngày 05/8/2002 và Nguyễn Thị Tuyết M (nữ) sinh ngày 15/11/1997, các con chung, hiện nay đã trưởng thành.

Về tài sản chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có.

Tại bản tự khai cùng các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên toà, anh Nguyễn Văn H trình bày: Anh H thống nhất với lời trình bày của chị N về quá trình tiến tới hôn nhân, nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng, vấn đề con chung, tài sản chung và nợ chung. Anh H đồng ý Tòa án tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng giữa anh và chị N.

Về con chung: Có 02 con chung là Nguyễn Hoài N(nam) sinh ngày 05/8/2002 và Nguyễn Thị Tuyết M (nữ) sinh ngày 15/11/1997, các con chung, hiện nay đã trưởng thành.

Về tài sản chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên Tòa hôm nay, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Xét về quan hệ pháp luật mà các bên tranh chấp: Chị Nguyễn Thị N và anh Nguyễn Văn H, tự nguyện tiến tới hôn nhân, nhưng không có đăng ký kết hôn. Nay các đương sự phát sinh tranh chấp, chị N yêu cầu Tòa án tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị N và anh H, nên xác định mối quan hệ pháp luật tranh chấp giữa các đương sự là “tranh chấp không công nhận quan hệ vợ chồng”, quan hệ tranh chấp này thuộc sự điều chỉnh của Luật Hôn nhân và Gia đình. Do bị đơn là anh Nguyễn Văn H có nơi cư trú tại huyện Cờ Đỏ, thành phố Cần Thơ nên vụ kiện thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Cờ Đỏ theo Điều 28; khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị N và anh Nguyễn Văn H đã tự nguyện tiến tới hôn nhân vào năm 1997, chị N và anh H không tiến hành thủ tục đăng ký kết hôn theo quy định, đến cuối năm 2016 thì không còn chung sống,

nên xác định mối quan hệ hôn nhân giữa chị N và anh H là không làm phát sinh quyền và nghĩa vụ giữa vợ và chồng theo quy định tại Điều 14 Luật Hôn nhân và Gia đình 2014. Quá trình chung sống, giữa chị N và anh H phát sinh mâu thuẫn, nay chị N và anh H đều thống nhất yêu cầu Tòa án tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng. Do đó, có cơ sở tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị N và anh H

[3] Về vấn đề con chung: Chị N và anh H có 02 con chung là Nguyễn Hoài N(nam) sinh ngày 05/8/2002 và Nguyễn Thị Tuyết M (nữ) sinh ngày 15/11/1997. Hiện nay, các con chung hiện nay đã trưởng thành, nên không xem xét.

Về tài sản chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[4] Về nợ chung: Ghi nhận lời khai của các đương sự là không có, nếu sau này phát sinh tranh chấp và có đơn khởi kiện thì giải quyết thành vụ án khác

[5] Về án phí: Chị N phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm, theo qui định tại Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự 2015 và điểm a Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ: Các Điều 28; Khoản 1 Điều 35; Khoản 1 Điều 39; Điều 273, Bộ luật tố tụng dân sự 2015;

Áp dụng: Các Điều 14; Điều 53 Luật Hôn nhân và Gia đình 2014;

Điểm a Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

- Về quan hệ hôn nhân: Không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị Nguyễn Thị N và anh Nguyễn Văn H.

- Về con chung: Đã trưởng thành.

- Về tài sản chung: Tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Ghi nhận lời khai của các đương sự là không có, nếu sau này có phát sinh tranh chấp và có đơn khởi kiện thì giải quyết thành vụ án khác.

- Về án phí: Chị Nguyễn Thị N chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm, chuyển số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí chị N đã nộp theo biên lai số 013490 ngày 20/11/2020 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cờ Đỏ, thành tiền án phí.

- Về quyền kháng cáo: Chị Nguyễn Thị N và anh Nguyễn Văn H có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6; Điều 7 và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận :

- Các đương sự,
- VKSND huyện Cờ Đỏ,
- Chi cục THA DS huyện Cờ Đỏ,
- Lưu hồ sơ vụ án.

Phạm Quốc Kiệt